



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đồng Nai

Số 41

Ngày 11 tháng 11 năm 2019

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|------------|---|------|
| 29-10-2019 | Nghị quyết số 179/2019/NQ-HĐND bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện dự án năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. | 2411 |
| 29-10-2019 | Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. | 2419 |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|------------|--|------|
| 25-10-2019 | Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt hồ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. | 2424 |
|------------|--|------|

PHẦN VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|------------|---|------|
| 29-10-2019 | Nghị quyết số 177/NQ-HĐND phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương khối tỉnh năm 2019. | 2427 |
| 29-10-2019 | Nghị quyết số 178/NQ-HĐND quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương một số dự án nhóm B trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. | 2429 |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

24-10-2019	Quyết định số 3363/QĐ-UBND về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Long Tân mở rộng (27,09 ha) tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch.	2434
24-10-2019	Quyết định số 3364/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh tại thị trấn Định Quán, huyện Định Quán.	2438
25-10-2019	Quyết định số 3370/QĐ-UBND phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 đô thị Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050.	2446
30-10-2019	Quyết định số 3418/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 3443/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án cánh đồng lớn liên kết sản xuất và tiêu thụ cà phê 4C trên địa bàn các huyện: Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.	2451
06-11-2019	Quyết định số 3569/QĐ-UBND về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Thuận tại xã Long An, huyện Long Thành.	2453
01-11-2019	Kế hoạch số 12609/KH-UBND triển khai thực hiện Kế hoạch số 286-KH/TU ngày 16/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.	2457

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 179/2019/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 10 năm 2019

NGHỊ QUYẾT**Bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện dự án năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 12 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;**Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;**Xét Tờ trình số 12101/TTr-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Bổ sung Danh mục các dự án cần thu hồi đất, điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện dự án năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Danh mục 08 dự án cần thu hồi đất với tổng diện tích đất thu hồi là 70,09 ha.

(Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục 07 dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện dự án với diện tích 128,56 ha, trong đó diện tích điều chỉnh là 28,99 ha.

(Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Quá trình triển khai thực hiện thu hồi đất, giao đất thực hiện dự án có liên quan đến quyền và lợi ích của người dân, đề nghị thực hiện đảm bảo đúng quy trình, dân chủ, công khai và có sự giám sát chặt chẽ, tránh tình trạng người dân khiếu nại, tố cáo; thực hiện công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và tham gia hưởng ứng tích cực của nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 12 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 11 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2019 TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Nghị quyết số 179/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích thu hồi (ha)	Căn cứ pháp lý
		Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố		
I	Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương			0,11	
1	Nhà bia liệt sỹ	Hóa An	Biên Hòa	0,11	Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2016
II	Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang; nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			54,74	
2	Dự án nhà ở xã hội	Bảo Vinh	Long Khánh	16,69	Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư

3	Khu tái định cư	Nhân Nghĩa	Cẩm Mỹ	18,63	<p>- Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22/11/2017 của Quốc Hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020.</p> <p>- Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 28/3/2018 của Chính phủ về Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020.</p> <p>- Quyết định số 2229/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020.</p>
4	Khu tái định cư	Gia Ray	Xuân Lộc	9,45	<p>- Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22/11/2017 của Quốc Hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020.</p> <p>- Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 28/3/2018 của Chính phủ về Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020.</p> <p>- Quyết định số 2229/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020.</p>
5	Văn phòng khu phố 4	Quang Vinh	Biên Hòa	0,02	Văn bản số 5123/UBND-XDCB ngày 24/9/2012 của UBND thành phố Biên Hòa chấp thuận chủ trương xây dựng mới văn phòng khu phố 4 phường Quang Vinh

6	Khu tái định cư Tân Hạnh (bổ sung thêm)	Tân Hạnh	Biên Hòa	1,15	Nghị quyết số 97/2015/NQ-HĐND ngày 22/7/2015 của HĐND thành phố Biên Hòa về phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố Biên Hòa
7	Khu tái định cư	Thống Nhất, Tân Mai	Biên Hòa	8,80	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm (2016 - 2020).
III	Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất			15,24	
8	Khu dân cư theo quy hoạch	Thị trấn Gia Ray	Xuân Lộc	15,24	Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư
Tổng Cộng				70,09	

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Kèm theo Nghị quyết số 179/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Diện tích, trong đó:		Vị trí		Căn cứ pháp lý
		Diện tích dự án (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố	
1	Đường Bà Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (hướng tuyến mới)	36,95	0,75	Bà Cạn, Cẩm Đường	Long Thành	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1487/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành. - Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Bà Cạn, huyện Long Thành. - Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Cẩm Đường, huyện Long Thành.

2	Đường Cầu Mên (mở mới)	15,6	10,5	Cắm Đường, Bình Sơn	Long Thành	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1487/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành. - Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Bình Sơn, huyện Long Thành. - Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Cắm Đường, huyện Long Thành.
3	Đường ấp 2 Suối Trầu	8,3	8,3	Bàu Cạn	Long Thành	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1487/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành - Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Bàu Cạn, huyện Long Thành
4	Đường Cây Sung	3,5	3,5	Cắm Đường	Long Thành	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1487/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành - Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Cắm Đường, huyện Long Thành

5	Khu trung tâm hành chính Bình Sơn (điều chỉnh khung hạ tầng giao thông và bổ sung khu tái định cư)	14,15	0,88	Bình Sơn	Long Thành	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1487/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành - Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Bình Sơn, huyện Long Thành. - Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND huyện Long Thành về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trung tâm Hành chính xã Bình Sơn, huyện Long Thành
6	Đường kết nối vào khu xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã Bàu Cạn (Công ty CP môi trường Tân Thiên Nhiên)	0,06	0,06	Bàu Cạn	Long Thành	Văn bản số 1634/UBND-CNN ngày 15/2/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về xử lý tuyến đường kết nối vào khu xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã Bàu Cạn, huyện Long Thành do Công ty cổ phần môi trường Tân Thiên Nhiên làm chủ đầu tư
7	Nghĩa trang Bình An (mở rộng)	50,00	5,00	Bình An	Long Thành	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 11394/UBND-CNN ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án mở rộng nghĩa trang Bình An (50 ha) theo quy hoạch tại xã Bình An, huyện Long Thành. - Văn bản số 5200/UBND-CNN ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu đất thu hồi để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án mở rộng nghĩa trang Bình An tại xã Bình An, huyện Long Thành.
Tổng cộng		128,56	28,99			

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 180/2019/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 10 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 12 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 11647/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp, các Đề án/Dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Đề án/ Dự án đó.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;

b) Công chức, viên chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh; ở huyện,

thành phố; công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố;

d) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Các đối tượng tại Điểm a, b, c Khoản này được gọi chung là cán bộ, công chức; đối tượng tại Điểm d Khoản này gọi là viên chức.

Điều 2. Điều kiện áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện cử đi theo quy định và được cấp có thẩm quyền cử đi.

Điều 3. Mức chi và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước

1. Mức chi đào tạo cán bộ, công chức; chi đào tạo viên chức khi tham gia các lớp lý luận chính trị

a) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung

- Học tập trung dưới một tháng: Chi hỗ trợ 80.000 đồng/người/ngày; 40.000 đồng/người/buổi.

- Học tập trung liên tục từ một tháng trở lên: Chi hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng. Từ tháng thứ 2 trở đi, thời gian thực học trên 15 ngày tính tròn 01 tháng, từ 15 ngày trở xuống tính theo ngày.

b) Chi hỗ trợ thêm cho cán bộ, công chức, viên chức là nữ: 300.000 đồng/người/tháng.

c) Chi hỗ trợ thêm cho cán bộ, công chức, viên chức là nữ có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi trở xuống

- Học tập trung dưới một tháng: Chi hỗ trợ 60.000 đồng/người/ngày; 30.000 đồng/người/buổi.

- Học tập trung liên tục từ một tháng trở lên: Chi hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng. Từ tháng thứ 2 trở đi, thời gian thực học trên 15 ngày tính tròn 01 tháng, từ 15 ngày trở xuống tính theo ngày.

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức là nữ đã hưởng chế độ hỗ trợ có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi thì không hưởng chế độ hỗ trợ thêm đối với nữ.

d) Chi hỗ trợ thêm cho cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số

- Học tập trung dưới một tháng: Chi hỗ trợ 20.000 đồng/người/ngày.

- Học tập trung liên tục từ một tháng trở lên: Chi hỗ trợ 400.000 đồng/người/tháng. Từ tháng thứ 2 trở đi, thời gian thực học trên 15 ngày tính tròn 01 tháng, từ 15 ngày trở xuống tính theo ngày.

2. Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức; chi bồi dưỡng viên chức khi tham gia các lớp lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng và an ninh, kỹ năng quản lý nhà nước trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý

a) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (bao gồm cả thù lao soạn giảng; một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học):

- Giảng viên, báo cáo viên là Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các chức danh tương đương; Giáo sư, Chuyên gia cao cấp, Giảng viên cao cấp, Tiến sỹ khoa học: 1.800.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các chức danh tương đương; Phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính: 1.600.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương; lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị xã hội của tỉnh và tương đương; Bí thư và Phó Bí thư các Thành ủy, Huyện ủy, Chủ tịch HĐND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện và các chức danh tương đương: 1.300.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh; Phó Chủ tịch HĐND cấp huyện, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện, Ủy viên Ban Thường vụ cấp Huyện ủy (ngoài các chức danh nêu trên): 1.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện và tương đương trở xuống (ngoài các chức danh nêu trên): 700.000 đồng/người/buổi.

- Trợ giảng (nếu có) đối với giảng viên, báo cáo viên là Bộ trưởng, Thứ trưởng và các chức danh tương đương: 1.000.000 đồng/người/buổi.

- Đối với giảng viên, báo cáo viên thuộc nhiều nhóm đối tượng thì áp dụng mức chi cao nhất.

b) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên

Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quyết định mức chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (viết tắt là Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND).

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên: Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều

kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND.

d) Chi nước uống phục vụ lớp học: Thực hiện theo Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND.

đ) Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: 200.000 đồng/học viên.

e) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ thêm cho cán bộ, công chức, viên chức là nữ; chi hỗ trợ thêm cho cán bộ, công chức, viên chức là nữ có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi trở xuống; chi hỗ trợ thêm cho cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số: Thực hiện như Khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này.

g) Chi dịch thuật: Thực hiện mức chi dịch thuật theo quy định tại Nghị quyết số 160/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

4. Các nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND ngày 02/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định tạm thời về hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND) và Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND.

2. Đối với những đối tượng đang được hỗ trợ kinh phí đào tạo sau đại học theo quy định của Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND ngày 02/7/2010 và Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa hoàn thành khóa học thì tiếp tục được hỗ trợ chi phí xây dựng và bảo vệ luận án tốt

ngiệp, thi tốt nghiệp; hỗ trợ một lần sau khi tốt nghiệp quy định tại Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND và Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX Kỳ họp thứ 12 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 11 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2019/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH**Quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ
liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;**Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;**Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;**Căn cứ Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3315/TTr-SNN ngày 23/8/2019.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết.
- b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án hoặc kế hoạch liên kết trong các trường hợp sau đây:

- a) Có tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước từ 07 tỷ đồng trở lên.
- b) Dự án triển khai trên địa bàn 02 huyện trở lên.
- c) Thực hiện đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết.
- d) Thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt các dự án hoặc kế hoạch liên kết không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 3. Hồ sơ và trình tự thủ tục phê duyệt hỗ trợ liên kết.

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/11/2019 và bãi bỏ 03 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, cụ thể:

1. Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh, sửa đổi nội dung quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành tại Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 06/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành tại Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp đối với các dự án cánh đồng lớn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

1. Các bên tham gia các dự án cánh đồng lớn liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện theo các Quyết định: Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 về ban hành quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 về điều chỉnh, sửa đổi nội dung quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành tại Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 06/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng

Nai về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành tại Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách theo dự án đã được phê duyệt cho đến khi hết hợp đồng liên kết đã ký hoặc hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nếu đáp ứng các điều kiện về hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Thủ tục chuyển đổi

Các chủ dự án cánh đồng lớn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt có nhu cầu chuyển đổi để hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì lập hồ sơ đề nghị phê duyệt hỗ trợ liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ, xem xét, tổ chức thẩm định đối với dự án hoặc kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ liên kết theo phân cấp. Hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện. Hướng dẫn các chủ dự án cánh đồng lớn thực hiện chuyển tiếp khi chủ dự án có nhu cầu.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa xem xét phê duyệt hỗ trợ liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn theo phân cấp. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Chánh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 177/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 10 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương khối tỉnh năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 12 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 11808/TTr-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương khối tỉnh năm 2019; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương khối tỉnh năm 2019 từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương và nguồn hỗ trợ từ ngân sách của Thành phố Hà Nội với nội dung cụ thể như sau:

1. Phân bổ dự toán chi cho Sở Giao thông vận tải (Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh) để triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh số tiền là 38.048 triệu đồng theo văn bản số 9300/BTC-HCSN ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính.

2. Phân bổ dự toán chi cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để triển khai thực hiện nhiệm vụ về an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh số tiền 3.000 triệu đồng theo Quyết định số 4207/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 12 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 10 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 178/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 10 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương
một số dự án nhóm B trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 12 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Xét Tờ trình số 12150/TTr-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương một số dự án nhóm B trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương một số dự án nhóm B trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

1. Quyết định chủ trương đầu tư:

a) Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu).

b) Dự án xây dựng Công viên và kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu).

2. Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.768, huyện Vĩnh Cửu (đoạn từ cầu vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767).

(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết

này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX Kỳ họp thứ 12 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 10 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số 178/NQ-HĐND
ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**1. Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu):**

a) Sự cần thiết đầu tư và mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu) tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội cho khu vực phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa và các xã Bình Hòa và Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, chia sẻ giao thông nội ô thành phố Biên Hòa, từng bước hoàn thành quy hoạch giao thông thành phố Biên Hòa và góp phần hoàn chỉnh quy hoạch giao thông tỉnh.

b) Quy mô đầu tư: dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình giao thông trong đô thị.

- Cấp công trình: Cấp II.

- Nội dung đầu tư gồm: Đầu tư hoàn thiện tuyến đường có chiều dài khoảng 5,2 km, điểm đầu dự án là tại Mố A cầu Hóa An, điểm cuối dự án giáp ranh huyện Vĩnh Cửu. Mặt cắt ngang toàn tuyến đường 34m (vía hè mỗi bên 5m, mặt đường 24m) và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo tuyến. Bao gồm các hạng mục: đầu tư hoàn thiện nền đường, mặt đường, hệ thống tín hiệu giao thông, hệ thống thoát nước, vỉa hè lát gạch, cây xanh, xây dựng cầu Rạch Lung, đầu tư hệ thống chiếu sáng và trạm biến áp cấp nguồn chiếu sáng.

- Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng: Khoảng 260 hộ

c) Địa điểm: Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa.

d) Tổng mức đầu tư: khoảng 1.340 tỷ đồng (trong đó: Chi phí xây dựng công trình khoảng 384,256 tỷ đồng; chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 712,994 tỷ đồng; chi phí dự phòng khoảng 204,315 tỷ đồng).

đ) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh (dự kiến đầu tư từ nguồn vốn đấu giá quyền sử dụng đất, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp và nguồn vốn ngân sách tỉnh theo quy định).

e) Thời gian thực hiện: Tối đa 05 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

g) Chủ đầu tư: UBND thành phố Biên Hòa.

h) Một số vấn đề cần lưu ý khi lập hồ sơ và triển khai dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đồng thời với dự án xây dựng Công viên và kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu), tổ chức tái định cư cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Xây dựng tuyến đường theo quy định đảm bảo yếu tố kỹ thuật và mỹ quan, góp phần kiến tạo cảnh quan khu vực đô thị ven sông Đồng Nai.

- Đảm bảo khả năng thoát nước, chống ngập úng của khu vực.

2. Dự án xây dựng Công viên và kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu):

a) Sự cần thiết đầu tư và mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng dự án xây dựng Công viên và kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu) nhằm khắc phục sự cố lún, phòng, chống sạt lở, ổn định bờ sông Đồng Nai, bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến, ổn định lâu dài về người và tài sản cho dân cư đang sinh sống; đồng thời, tạo cảnh quan, không gian sinh hoạt cho người dân thành phố Biên Hòa, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương.

b) Quy mô đầu tư: dự án nhóm B

- Loại công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn - công trình thủy lợi.

- Cấp công trình: Cấp II.

- Đầu tư tuyến kè dài khoảng 5,2 km, điểm đầu dự án là tại Mố A cầu Hóa An, điểm cuối dự án giáp ranh huyện Vĩnh Cửu. Phương án dự kiến sử dụng cọc ván bê tông dự ứng lực.

- Đầu tư công viên dọc tuyến kè, diện tích phần đất thiết kế công viên khoảng 02 ha (phần đất thu hồi sát mép sông).

- Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng: Khoảng 80 hộ

c) Địa điểm: Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa.

d) Tổng mức đầu tư: Khoảng 614,1 tỷ đồng (trong đó: Chi phí xây dựng công trình khoảng 392 tỷ đồng; chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 91,401 tỷ đồng; chi phí dự phòng khoảng 93,676 tỷ đồng).

đ) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh (dự kiến đầu tư từ nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp và nguồn vốn ngân sách tỉnh theo quy định).

e) Thời gian thực hiện: Tối đa 05 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

g) Chủ đầu tư: UBND thành phố Biên Hòa.

h) Một số vấn đề cần lưu ý khi lập hồ sơ và triển khai dự án:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đồng thời với dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu), tổ chức tái định cư cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Xây dựng tuyến kè và công viên theo quy định đảm bảo yếu tố kỹ thuật và mỹ quan, góp phần kiến tạo cảnh quan khu vực đô thị ven sông Đồng Nai.

- Đảm bảo khả năng thoát nước, chống ngập úng của khu vực.

II. ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ.

Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.768, huyện Vĩnh Cửu (đoạn từ cầu vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767):

Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.768, huyện Vĩnh Cửu đoạn từ cầu vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767 (đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 28/5/2019 kèm theo Tờ trình số 2584/TTr-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C), cụ thể:

- Điều chỉnh một phần mục b như sau:

“b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Cải tạo, nâng cấp tuyến đường hiện hữu với tổng chiều dài khoảng 21 km với tiêu chuẩn đường cấp IV, vận tốc thiết kế 60km/h, như sau:”

- Điều chỉnh mục c như sau:

“c) Địa điểm đầu tư: Huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Tổng diện tích đất dự kiến phải bồi thường khoảng 253.116 m², tổng diện tích nhà khoảng 3.000 m², hàng rào, cổng khoảng 6.300 m² với chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 318,4 tỷ đồng (theo Văn bản số 89/TTPTQĐ ngày 17/5/2019 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu).”

- Điều chỉnh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng từ 105,4 tỷ đồng lên 318,4 tỷ đồng, như vậy, mục d được điều chỉnh cụ thể như sau:

“d) Tổng mức vốn đầu tư: khoảng 671,2 tỷ đồng (chi phí xây dựng khoảng 288 tỷ đồng; chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 318,4 tỷ đồng với khoảng 800 hộ dân bị ảnh hưởng; các chi phí khác 23,2 tỷ đồng; chi phí dự phòng 41,6 tỷ đồng)”./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3363/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu dân cư Long Tân mở rộng (27,09 ha) tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án nhiệm vụ quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3079/TTr-SXD ngày 23/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Long Tân mở rộng (27,09 ha) tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch với các nội dung chính như sau:

1. Hệ thống giao thông chính tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được duyệt; chỉ điều chỉnh chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

a) Điều chỉnh ô đất chung cư (ký hiệu 5A, diện tích 5.820 m², mật độ xây dựng 40 ÷ 45%, tầng cao xây dựng 05 ÷ 07 tầng) thành:

- Đất chung cư (ký hiệu 5A.1, diện tích 4.118 m², mật độ xây dựng ≤ 45%, tầng cao xây dựng tối đa 15 tầng).

- Đất cây xanh (ký hiệu: 5A.2 diện tích 908 m² và 5A.3 diện tích 803 m²).

b) Điều chỉnh và hoán chuyển các ô đất tổng diện tích khoảng 19.426 m² gồm: Biệt thự (ký hiệu 4A diện tích 2.290 m² và 4B diện tích 2.910 m²), chung cư

(ký hiệu 5B, diện tích 5.870 m², tầng cao xây dựng 05 ÷ 07 tầng), đất cây xanh (ký hiệu 7, diện tích 5.270 m²) và đất giao thông (diện tích 3.086 m²) thành:

- Đất biệt thự (ký hiệu 4A.1, diện tích 5.461 m², mật độ xây dựng ≤ 60%, tầng cao xây dựng 2 ÷ 3 tầng).

- Đất biệt thự (ký hiệu 4B.1, diện tích 5.820 m², mật độ xây dựng ≤ 60%, tầng cao xây dựng 2 ÷ 3 tầng).

- Đất cây xanh (ký hiệu 5B.1, diện tích 2.746 m²) và đất giao thông (diện tích 5.399 m²).

c) Điều chỉnh và hoán chuyển các ô đất tổng diện tích khoảng 16.510 m² gồm: Chung cư (ký hiệu 5C, diện tích 10.410 m², mật độ xây dựng 40 ÷ 45%, tầng cao xây dựng 05 ÷ 07 tầng) và đất cây xanh (ký hiệu 3A, diện tích 6.100 m²) thành:

- Đất chung cư (ký hiệu 5C.1; diện tích 1.0310 m², mật độ xây dựng ≤ 45%, tầng cao xây dựng 15 tầng).

- Đất cây xanh (ký hiệu 3A.1, diện tích 6.200 m²).

d) Điều chỉnh và hoán chuyển các ô đất tổng diện tích khoảng 24.200 m² gồm: Chung cư (ký hiệu 5D, diện tích 18.100 m², mật độ xây dựng 40 ÷ 45%, tầng cao xây dựng 05 ÷ 07 tầng) và đất cây xanh (ký hiệu 3B, diện tích 6.100 m²) thành:

- Đất nhà liên kế (ký hiệu 5D.1, diện tích 6.300 m², mật độ xây dựng ≤ 85%, tầng cao xây dựng 2 ÷ 4 tầng).

- Đất nhà liên kế (ký hiệu 5D.2, diện tích 6.300 m², mật độ xây dựng ≤ 85%, tầng cao xây dựng 2 ÷ 4 tầng).

- Đất cây xanh (ký hiệu 3B.1, diện tích 6.772 m²) và đất giao thông (diện tích 4.828 m²).

đ) Điều chỉnh và hoán chuyển các ô đất với tổng diện tích khoảng 23.456 m² gồm: Chung cư (ký hiệu 5E, diện tích 16.700 m², mật độ xây dựng 30 - 35%, tầng cao xây dựng 09 - 12 tầng), đất biệt thự (ký hiệu 4D diện tích 2.910 m²) và đất giao thông (diện tích 3.846 m²) thành:

- Đất biệt thự (ký hiệu 4D.1, diện tích 6.756 m², mật độ xây dựng ≤ 60%, tầng cao xây dựng 2 ÷ 3 tầng).

- Đất nhà liên kế (ký hiệu 5E.1, diện tích 7.449 m², mật độ xây dựng ≤ 85%, tầng cao xây dựng 2 ÷ 4 tầng).

- Đất nhà liên kế (ký hiệu 5E.2, diện tích 7.460 m², mật độ xây dựng ≤ 85%, tầng cao xây dựng 2 ÷ 4 tầng).

- Đất giao thông (diện tích 1.791 m²).

e) Điều chỉnh mật độ xây dựng ô đất thương mại dịch vụ (ký hiệu 1, diện tích 25.993 m², tầng cao 12 ÷ 15 tầng) từ 30 ÷ 35% thành 40% và ô đất giáo dục (nhà trẻ - ký hiệu 2, diện tích 3.000 m², tầng cao 2 tầng) từ 20 ÷ 30% thành 40%.

g) Trên cơ sở loại hình, các chỉ tiêu về mật độ, tầng cao xây dựng được điều

chỉnh thì tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, hình thức kiến trúc chủ đạo các công trình,... sẽ được điều chỉnh cho đồng bộ và phù hợp với định hướng phát triển chung tại khu vực.

2. Với nội dung điều chỉnh như nếu quy mô dân số thay đổi từ 4.340 người thành 3.912 người).

3. Tỷ lệ cơ cấu sử dụng đất sau khi điều chỉnh thay đổi như sau:

STT	Hạng mục	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 5682/QĐ.CT.UBT ngày 22/11/2004		Điều chỉnh	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	10,85	56,84	9,78	51,22
	Chung cư	5,81	30,44	1,44	7,56
	Biệt thự	1,40	7,33	1,95	10,22
	Nhà liền kề	3,64	19,07	6,39	33,48
2	Đất công cộng	2,90	15,19	2,90	15,19
3	Cây xanh	1,75	9,17	1,75	9,17
4	Giao thông	3,59	18,81	4,66	24,39
	Tổng cộng	19,09	100,00	19,09	100,00
5	Giao thông đối ngoại	8,00		8,00	
	Tổng cộng	27,09		27,09	

4. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông chính tuân thủ theo đồ án quy hoạch chi tiết được duyệt. Hệ thống giao thông nội bộ nhóm ở sẽ được điều chỉnh bổ sung cho phù hợp (lộ giới 13,5m gồm: Lòng đường 7,5 m; vỉa hè hai bên 3 m x 2).

b) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, thông tin liên lạc,... sẽ được cập nhật đồng bộ theo nội dung điều chỉnh và đấu nối vào hệ thống hạ tầng chính đã phê duyệt.

(Bản đồ trích vẽ quy hoạch sử dụng đất phạm vi điều chỉnh đính kèm).

Điều 2. Nội dung điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này không làm ảnh hưởng đến việc kết nối hạ tầng kỹ thuật chung tại khu vực; các vấn đề khác có liên quan phát sinh từ việc điều chỉnh là không đáng kể, Công ty Cổ phần Licogi 16 có trách nhiệm cập nhật và làm rõ trong các bước tiếp theo của dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung khác không liên quan đến việc điều chỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý theo Quyết định số 5682/QĐ.CT.UBT ngày 22/11/2004 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Long Tân mở rộng (27,09 ha) tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch, Chủ tịch UBND xã Long Tân; Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Vĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3364/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh tại thị trấn Định Quán, huyện Định Quán

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3962/TTr-SXD ngày 12/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh tại thị trấn Định Quán, huyện Định Quán với các nội dung chính như sau:

1. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu

a) Vị trí, ranh giới quy hoạch: Khu đất lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính của thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, với ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp khu dân cư hiện hữu và đường vào xã Gia Canh.

- Phía Nam: Giáp đất nông nghiệp.

- Phía Đông: Giáp khu dân cư hiện hữu và đường Hoàng Hoa Thám

- Phía Tây: Giáp khu dân cư hiện hữu và Quốc lộ 20.

b) Quy mô nghiên cứu

- Quy mô diện tích quy hoạch: 195.681 m² (khoảng 19,5681 ha).
- Quy mô dân số dự kiến: 2.200 - 2.350 người.

2. Tính chất

a) Là khu dân cư đô thị được xây dựng mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh, trên cơ sở kết hợp đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật với khu dân cư hiện hữu, khu dân cư theo quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở và các công trình công cộng, công trình xã hội, thương mại phục vụ cho người dân khu vực huyện Định Quán.

- Trong khu bố trí các công trình: Nhà ở riêng lẻ phục vụ cho nhu cầu ở tại đô thị; các công trình dịch vụ đô thị (trường mầm non, nhà văn hóa, chợ, khu thương mại dịch vụ); các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đáp ứng nhu cầu của người dân và góp bộ mặt kiến trúc cảnh quan đô thị tại khu vực.

3. Các chỉ tiêu, cơ cấu sử dụng đất

a) Chỉ tiêu sử dụng đất

- Đất ở: 24,03 m²/người;
- Đất công trình dịch vụ đô thị: 7,31 m²/người;
- Đất cây xanh: 13,17 m²/người;
- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật: 41,06 m²/người.

b) Mật độ xây dựng công trình

- Nhà liên kế, liên kế có sân vườn: 70 - 90%;
- Công trình công cộng (nhà văn hóa, nhà trẻ): ≤ 40%;
- Công trình thương mại (chợ, trung tâm thương mại): ≤ 60%.

c) Tầng cao và chiều cao xây dựng

- Nhà liên kế, liên kế có sân vườn: 03 - 05 tầng (≤ 19 m);
- Công trình công cộng (nhà văn hóa, nhà trẻ): 01 - 03 tầng (≤ 16 m);
- Công trình thương mại (chợ, trung tâm thương mại): 01 - 03 tầng (≤ 16 m).

d) Khoảng lùi xây dựng công trình so với chỉ giới đường đỏ

- Nhà liên kế: Lùi trước trùng chỉ giới đường đỏ; lùi sau ≥ 02 m;
- Nhà liên kế có sân vườn: Lùi trước ≥ 2,4 m; lùi sau ≥ 01 m;
- Công trình công cộng (nhà văn hóa, nhà trẻ) : ≥ 03 m;
- Công trình thương mại - trung tâm thương mại : ≥ 06 m;
- Công trình thương mại - chợ: Bảo đảm về PCCC và các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

4. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng

a) Quy hoạch sử dụng đất

STT	Danh mục	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở		54.677,04	27,94
1	Đất ở liên kế	LK	52.057,04	26,60
2	Đất ở tái định cư - dạng nhà liên kế	TDC	2.620,00	1,34
II	Đất công cộng		16.629,31	8,50
1	Đất dịch vụ thương mại	TMDV	13.006,15	6,65
2	Đất nhà văn hóa	NVH	918,94	0,47
3	Đất trường mầm non	TMN	2.704,22	1,38
III	Đất cây xanh công viên, mặt nước, thể dục thể thao		30.959,70	15,82
1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	19.300,77	9,86
2	Đất mặt nước	MN	11.658,93	5,96
IV	Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật		93.414,95	47,74
1	Đất xây dựng trạm xử lý nước thải	HTKT-01	476,82	0,24
2	Đất dịch vụ viễn thông	HTKT-02	100,00	0,05
3	Đất xây dựng trạm phát sóng	HTKT-03	50,00	0,03
4	Đất hạ tầng kỹ thuật khu ở	HTKT	4.148,39	2,12
5	Đất bãi đỗ xe	BX	6.983,41	3,57
6	Đất giao thông		81.656,33	41,73
Tổng cộng			195.681,00	100,00

b) Cơ cấu sử dụng đất và phân khu chức năng

- Đất ở: Tổng diện tích 54.677,04 m², chiếm 27,94% diện tích khu đất quy hoạch, bao gồm:

+ Đất nhà ở liên kế: Tổng diện tích 52.057,04 m² chiếm 26,60% diện tích khu đất quy hoạch; Bao gồm 49 khu đất với tổng số 521 lô đất.

+ Đất nhà ở tái định cư: Tổng diện tích 2.620,00m² chiếm 1,34% diện tích khu đất quy hoạch; bao gồm 04 khu đất với tổng số 28 lô đất.

+ Đất xây dựng nhà ở xã hội: Căn cứ theo Điều 1 Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, theo đó, đã bỏ nội dung “Dành quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong dự án để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 16 của Luật Nhà ở”, do đó, trong dự án không bố trí quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong dự án để xây dựng nhà ở xã hội.

- Đất công cộng: Tổng diện tích 16.629,31 m², chiếm 8,50% diện tích khu đất quy hoạch, bao gồm:

+ Chợ và các khu thương mại dịch vụ có tổng diện tích 13.006,15 m² chiếm 6,65% diện tích khu đất quy hoạch, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, mua sắm của cư dân khu vực và lân cận.

+ Nhà văn hóa có diện tích 918,94 m² chiếm 0,47% diện tích khu đất quy hoạch, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của người dân trong dự án và khu vực lân cận.

+ Trường mầm non có diện tích 2.704,22 m² chiếm 1,38% diện tích khu đất quy hoạch.

- Đất cây xanh mặt nước: Gồm có các khu cây xanh công cộng và đất mặt nước với tổng diện tích 30.959,70 m² chiếm 15,82% diện tích khu đất quy hoạch, bao gồm:

+ Các khu cây xanh sử dụng công cộng có diện tích 19.300,77 m² chiếm 9,86% diện tích khu đất quy hoạch.

+ Đất mặt nước có diện tích 11.658,93 m² chiếm 5,96% diện tích khu đất quy hoạch.

- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật: Tổng diện tích là 93.414,95 m² chiếm 47,74 % diện tích khu đất quy hoạch, bao gồm:

+ Đất xây dựng trạm xử lý nước thải (ký hiệu HTKT-01), được bố trí ở phía Nam khu đất quy hoạch, có diện tích 476,82 m², chiếm 0,24% diện tích khu đất.

+ Đất dịch vụ viễn thông (ký hiệu HTKT-02), được bố trí ở phía nam khu đất quy hoạch, có diện tích 100 m², chiếm 0,05% diện tích khu đất.

+ Đất xây dựng trạm phát sóng (ký hiệu HTKT-03), được bố trí ở phía nam khu đất quy hoạch, có diện tích 50 m², chiếm 0,03% diện tích khu đất.

+ Đất hạ tầng kỹ thuật khu ở, được bố trí xen kẽ giữa các khu ở, có tổng diện tích 4.148,39 m², chiếm 2,12% diện tích khu đất quy hoạch.

+ Đất bãi đỗ xe (ký hiệu BX), được bố trí phía bắc, phía đông và phía nam khu đất quy hoạch, có tổng diện tích 6.983,41 m², chiếm 3,57% diện tích khu đất.

+ Đất giao thông: Tổng diện tích 81.656,33m², chiếm 41,73% diện tích quy hoạch.

5. Quy hoạch tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị

a) Khu dân cư được tổ chức không gian thành một khu ở mới hiện đại, phù hợp với cảnh quan khu vực. Đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật với khu vực lân cận.

b) Trong các cụm nhóm ở, tổ chức cảnh quan bằng hệ thống giao thông đường dạo, đi bộ, không gian xanh cho người dân trong khu dự án; Không gian cảnh quan công viên cây xanh được tổ chức nhằm tạo ra nét đặc trưng riêng về một không gian xanh cho khu ở.

c) Đường nét và hình khối kiến trúc công trình: Theo khuynh hướng hiện đại kết hợp với truyền thống. Các công trình tạo được sự hài hoà giữa các loại hình công trình trong cùng một khu ở (về hình thức mái, số tầng cao, khoảng lùi từng dãy nhà) với hình khối đơn giản.

d) Quy định màu sắc trang trí mặt tiền nhà: Sử dụng màu sắc tươi sáng, hài hòa trên bề mặt công trình và cả dãy công trình đồng nhất. Hạn chế dùng các màu tối, sẫm, gây cảm giác khó chịu về thị giác, nóng bức về cảm giác gây tâm lý phản cảm. Chỉ được sử dụng tối đa 3 màu đối với tường bên ngoài cho một công trình nhà ở.

đ) Quy định về vật liệu xây dựng: Ưu tiên sử dụng vật liệu địa phương, phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của khu vực, phù hợp với vùng khí hậu nhiệt đới.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch hệ thống giao thông

- Dự án được kết nối với tuyến đường Quốc lộ 20 tại hai điểm, đường Gia Canh tại hai điểm và đường Hoàng Hoa Thám tại một điểm.

- Giao thông đối nội: Được tổ chức hoàn chỉnh, gồm các tuyến đường có lộ giới sau:

+ Trục đường trục chính Đông - Tây dự án (MC 1-1) với lộ giới 42 m (6 m - 8 m - 14 m - 8 m - 6 m);

+ Các đường trục phụ, nội bộ trong dự án, gồm:

Mặt cắt 2-2 với lộ giới 27,0 m (5 m - 5,5 m - 6 m - 5,5 m - 5 m);

Mặt cắt 3-3 với lộ giới 24,0 m (6 m - 12 m - 6 m);

Mặt cắt 4-4 với lộ giới 20,5 m (5 m - 10,5 m - 5 m);

Mặt cắt 5-5 với lộ giới 15,5 m (4 m - 7,5 m - 4 m);

Mặt cắt 6-6 với lộ giới 14,7m (2,2 m - 7,5 m - 5 m);

Mặt cắt 7-7 với lộ giới 13,5 m (3 m - 7,5 m - 3 m).

b) Quy hoạch san nền

- Quy hoạch san nền của dự án được thiết kế trên cao độ các tuyến đường và công trình hiện trạng trong khu vực.

- Các khu vực trong quy hoạch được không chế độ cao tại các giao lộ tìm đường (cao độ đỉnh đường).

- Độ dốc tối thiểu trong các lô đất là 0.4% đảm bảo điều kiện thoát nước mặt.

c) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Tuyến cống chính thoát nước mưa là tuyến cống hộp bê tông cốt thép (nằm dưới lòng đường) chảy từ Bắc xuống Nam thoát nước cho một phần lưu vực của dự án và hoàn trả thoát nước chung cho lưu vực dân cư hiện trạng nằm giáp dự án.

- Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nước thải.

- Giải pháp thu nước mưa được chọn là các hố ga thu nước đặt dưới lề đường. Nước mưa được thu gom và chảy vào mương hiện trạng nằm ở phía Nam dự án.

d) Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước cho dự án ngày lớn nhất là: 750 m³/ngày.đêm.

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn cấp nước do chi nhánh cấp nước Tân Định quản lý.

- Điểm cấp cho dự án được lấy từ 2 điểm đầu vào đường ống cấp nước hiện hữu nằm trên đường Quốc lộ 20.

- Mạng đường ống cấp nước sinh hoạt được quy hoạch chung với mạng cấp nước chữa cháy.

- Nước cấp cho phòng cháy chữa cháy được lấy từ mạng lưới cấp nước sinh hoạt. Bố trí các trụ PCCC dọc theo các tuyến ống trên toàn mạng lưới, khoảng cách giữa 2 trụ không vượt quá 150 m.

đ) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Lượng nước thải: Tính bằng 80% lưu lượng nước cấp cho sinh hoạt.

- Hệ thống cống thoát nước thải:

+ Hệ thống cống thoát nước thải được xây mới tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

+ Tận dụng triệt để độ dốc mặt đường tạo thành mạng thoát nước tự chảy đảm bảo tiêu thoát nước nhanh nhất.

+ Nước thải sinh hoạt phải được xử lý cục bộ qua bể tự hoại gia đình trước khi thu gom vào hệ thống cống kín dưới vỉa hè dọc theo đường giao thông dẫn về trạm xử lý nước thải tại phía Nam khu quy hoạch.

+ Nước thải phải được xử lý đảm bảo phù hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận cuối cùng.

- Trạm xử lý nước thải: Công suất 400 m³/ngày được đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Nam khu quy hoạch.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với các cơ quan chuyên ngành thoát nước để thỏa thuận vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

- Rác thải được thu gom trong ngày và đưa tới bãi rác theo quy định.

e) Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Nguồn điện cung cấp được đầu nối vào tuyến trung thế 22kV nằm trên QL20.

- Tất cả các tuyến dây, tuyến cáp cấp điện và chiếu sáng (trung thế và hạ thế) đi ngầm bố trí dọc theo các tuyến đường.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan ngành điện để thỏa thuận phương án bố trí, vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Đường dây đầu nối từ trạm viễn thông trung tâm tới tổng đài viễn thông khu vực sẽ do nhà cung cấp dịch vụ Viễn thông lên phương án thiết kế chi tiết theo quy hoạch chung của ngành.

- Toàn bộ hệ thống cáp thông tin liên lạc được bố trí đi ngầm.

- Bố trí quỹ đất xây dựng các trạm thu phát sóng di động (BTS) phục vụ nhu cầu thông tin di động trong phạm vi dự án.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan ngành bưu chính viễn thông để thỏa thuận vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

h) Quy hoạch hệ thống cây xanh cảnh quan

- Hệ thống cây xanh trong đô thị có 2 loại chính là cây xanh đường phố và cây xanh công viên, thể dục thể thao, cây xanh trong các công trình công cộng.

- Công viên cây xanh công viên thể dục thể thao là sự kết hợp đan xen giữa hệ thống đường dạo và các mảng vườn cây cảnh quan nghệ thuật cùng với hệ thống sân thể dục thể thao (cầu lông, tennis, đá cầu, dưỡng sinh...).

- Trên vỉa hè của các trục đường đều được trồng cây xanh bóng mát để ngăn bụi, chống ồn chống nóng cho khu vực ở, trồng các loại cây có tán vừa phải.

i) Đánh giá môi trường chiến lược

Tuân thủ theo Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

7. Quy định quản lý

Ban hành quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh tại thị trấn Định Quán, huyện Định Quán.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Bắc có trách nhiệm:

1. Phối hợp UBND huyện Định Quán, UBND thị trấn Định Quán công bố công khai cho Nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ nhiệm vụ cắm mốc giới theo quy định và phối hợp UBND huyện Định Quán chuyên các mốc giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, cùng UBND thị trấn Định Quán quản lý xây dựng theo đúng hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cắm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng chấp thuận, đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

3. Thực hiện việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành, tổ chức lập hồ sơ thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật trình cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch.

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực và các vấn đề khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Định Quán, Chủ tịch UBND thị trấn Định Quán; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Bắc; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Vĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3370/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000
đô thị Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án nhiệm vụ quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4064/TTr-SXD ngày 19/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 đô thị Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050 với nội dung như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

a) Phạm vi lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Long Giao bao gồm địa giới hành chính xã Long Giao hiện hữu (khoảng 3.375 ha) và một phần mở rộng về phía Tây thuộc xã Xuân Đường theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai và vùng huyện Cẩm Mỹ được phê duyệt (khoảng 875 ha).

b) Tổng diện tích tự nhiên khoảng 4.250 ha, phạm vi giới hạn như sau:

- Phía Bắc : Giáp các xã Xuân Quế, Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ.

- Phía Nam : Giáp xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Phía Đông : Giáp các xã Bảo Bình, Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ.

- Phía Tây : Giáp các xã Xuân Quế, Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ.

c) Giai đoạn lập quy hoạch:

- Ngắn hạn : Đến năm 2020.

- Dài hạn : Đến năm 2030.

d) Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/5.000.

2. Mục tiêu

a) Cụ thể hoá chủ trương phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai và huyện Cẩm Mỹ, nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của huyện và đô thị Long Giao một cách bền vững.

b) Xây dựng đô thị Long Giao thành một đô thị hiện đại có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ và đạt tiêu chuẩn đô thị loại V đến năm 2030.

c) Làm cơ sở để đầu tư các dự án phát triển kinh tế xã hội phù hợp theo các giai đoạn phát triển.

d) Làm cơ sở để hướng dẫn các ngành trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý đô thị phù hợp theo các giai đoạn.

3. Tính chất

a) Định hướng phát triển đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, thuộc vùng kinh tế phía Đông tỉnh Đồng Nai; là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch, an ninh quốc phòng của huyện Cẩm Mỹ.

b) Là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh, có vai trò quan trọng trong việc giao thương với các tỉnh Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a) Chỉ tiêu về sử dụng đất

- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị loại V khoảng 165 - 200 m²/người.

- Chỉ tiêu đất dân dụng 60 - 75 m²/người, trong đó:

+ Chỉ tiêu sử dụng đất ở đô thị : 35 - 45 m²/người.

+ Chỉ tiêu đất công trình công cộng : 03 - 05 m²/người.

+ Chỉ tiêu đất cây xanh : ≥ 04 m²/người.

+ Chỉ tiêu đất giao thông : ≥ 16% đất xây dựng đô thị.

b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

- Tiêu chuẩn cấp điện:
 - + Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt : 1.000 kwh/người.năm.
 - + Chỉ tiêu cấp điện công cộng : $\geq 30\%$ tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt.
- Tiêu chuẩn cấp nước:
 - + Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt : 120 lít/người/ngày.đêm.
 - + Chỉ tiêu cấp nước công cộng : $\geq 10\%$ tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt.
- Tiêu chuẩn thoát nước : 100% nước cấp.
- Tiêu chuẩn rác thải : 0,9 kg/người/ngày.
- Tiêu chuẩn thông tin liên lạc:
 - + Thuê bao điện thoại cố định : 01 thuê bao/02 người.
 - + Thuê bao internet có dây : 01 thuê bao/01 hộ.
 - + Thuê bao truyền hình cáp : 01 thuê bao/01 hộ.
- + Mạng thông tin di động đảm bảo phủ sóng toàn bộ khu vực quy hoạch.

5. Các dự báo

a) Quy mô dân số

- Dự kiến dân số đến năm 2025: Khoảng 17.000 - 18.000 người.
- Dự kiến dân số đến năm 2030: Khoảng 47.000 - 48.000 người.

b) Dự báo nhu cầu đất phát triển đô thị

Dự kiến chỉ tiêu đất xây dựng đô thị loại V khoảng 165 - 200 m²/người, nhu cầu đất đai cho đô thị như sau:

- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2025: Khoảng 300 - 360 ha.
- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2030: Khoảng 900 - 960 ha.

6. Các yêu cầu cho việc lập điều chỉnh quy hoạch

a) Rà soát và đánh giá việc thực hiện quy hoạch theo đồ án quy hoạch chung được phê duyệt

- Rà soát, đánh giá, nêu rõ các vấn đề còn tồn tại, bất cập của đồ án quy hoạch chung được duyệt.

- Đánh giá công tác quản lý thực hiện theo đồ án quy hoạch chung đô thị Long Giao được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 12/10/2004; đánh giá về sử dụng đất về hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật,... Đề xuất các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch.

b) Các nội dung nghiên cứu

- Đánh giá đặc điểm tự nhiên về địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, thủy lợi, địa chất công trình, địa chấn, tài nguyên,...; đánh giá ảnh hưởng tiêu cực, tích cực của điều kiện tự nhiên tới các khu vực dự kiến phát triển đô thị. Đánh giá tiềm

năng quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng; đánh giá các vấn đề biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến phát triển đô thị.

- Đánh giá thực trạng và nguồn lực phát triển đô thị: Hiện trạng kinh tế - xã hội, các biến động về dân số, lao động, tăng trưởng đô thị hóa, đất xây dựng đô thị của đô thị Long Giao. Mỗi liên kết khu vực dân cư tập trung và khu vực nông thôn.

- Đánh giá tổng hợp: Phân tích về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với các yếu tố nhằm phát triển thế mạnh của đô thị. Đề xuất các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch điều chỉnh.

- Nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch Đô thị, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án nhiệm vụ quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù với các nội dung sau:

+ Phân tích, đánh giá hiện trạng điều kiện tự nhiên, dân số, sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường; đánh giá công tác quản lý, thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt; xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết trong đồ án.

+ Xác định mục tiêu, tính chất và động lực phát triển đô thị.

+ Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong đồ án.

+ Dự báo tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, tỷ lệ đô thị hóa; quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng đô thị, các chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho đô thị và các khu chức năng phù hợp với các yêu cầu phát triển của từng giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.

+ Rà soát, đánh giá, cập nhập các quy hoạch ngành liên quan đến đô thị, các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, các dự án, các quy hoạch ngành,... vào đồ án quy hoạch chung. Đề xuất phương án chọn và phát triển không gian toàn đô thị theo xu thế phát triển thực tế và định hướng phát triển không gian vùng huyện, vùng tỉnh, ...

+ Định hướng phát triển không gian đô thị gồm hướng phát triển và cải tạo đô thị; phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị; xác định các trung tâm, công viên cây xanh, quảng trường trung tâm và không gian mở của đô thị; tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

+ Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

+ Thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.

+ Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

+ Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước bẩn, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Nội dung theo quy định tại Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Kinh tế đô thị: Luận cứ xác định danh Mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

7. Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đồ án quy hoạch thực hiện theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

8. Tiến độ và tổ chức thực hiện

a) Tiến độ thực hiện

Thời gian lập quy hoạch: Không quá 09 tháng từ khi Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt : UBND tỉnh Đồng Nai.
- Chủ đầu tư : UBND huyện Cẩm Mỹ.
- Cơ quan thẩm định : Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch : Tổ chức đấu thầu theo quy định.
- Nguồn kinh phí lập quy hoạch: Từ nguồn ngân sách.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ, Chủ tịch UBND các xã: Long Giao, Xuân Đường; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Vĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3418/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 3443/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án cánh đồng lớn liên kết sản xuất và tiêu thụ cà phê 4C trên địa bàn các huyện: Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3828/TTr-SNN ngày 24/9/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 3443/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ cà phê 4C trên địa bàn các huyện Cẩm Mỹ, Xuân Lộc và Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh Khoản 1, Điều 1 như sau: “1. Tên dự án: Dự án cánh đồng lớn liên kết sản xuất và tiêu thụ cà phê 4C trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ và huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.”

2. Điều chỉnh Khoản 2, Điều 1 như sau: “2. Địa chỉ thực hiện dự án tại các xã: Xuân Quế, Xuân Tây huyện Cẩm Mỹ; xã Phú Lộc huyện Tân Phú”.

3. Điều chỉnh Điểm a và Điểm b, Khoản 4, Điều 1 như sau:

“Khu vực dự án:

- Huyện Cẩm Mỹ gồm 2 xã: Xuân Quế, Xuân Tây.

- Huyện Tân Phú: xã Phú Lộc.

b) Quy mô dự án:

- Diện tích thực hiện: 300,65 ha, cụ thể:

+ Huyện Cẩm Mỹ: 81,85 ha (xã Xuân Tây 31,3 ha; xã Xuân Quế 50,55 ha).

+ Huyện Tân Phú: 218,8 ha”.

4. Bãi bỏ các nội dung triển khai trên địa bàn huyện Xuân Lộc theo Quyết định số 3443/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Quyết định số 3443/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ cà phê 4C trên địa bàn các huyện Cẩm Mỹ, Xuân Lộc và Tân Phú, tỉnh Đồng Nai không liên quan đến việc điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đồng Nai, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Tân Phú, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc; Giám đốc Tổng công ty Tín Nghĩa và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Chánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3569/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu dân cư An Thuận tại xã Long An, huyện Long Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3969/TTr-SXD ngày 13/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Thuận tại xã Long An, huyện Long Thành với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh quy mô diện tích, ranh giới của dự án

Điều chỉnh cập nhật diện tích dự án theo diện tích giao đất tại Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai; từ 500.129 m² thành 496.363 m² (không bao gồm đất hành lang đường ống nước formosa).

2. Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất của dự án

a) Đất ở:

- Đất ở kinh doanh:

+ Điều chỉnh một phần khu thương mại (TM) với diện tích 35.681 m² thành đất Nhà liên kế (L33, L34) với diện tích 23.974 m² được tổ chức 221 lô đất diện tích khoảng 110 - 115 m²/lô, mật độ xây dựng tối đa là 80%, tầng cao là 02 - 04 tầng. (Đất thương mại dịch vụ sau điều chỉnh còn 4.612 m²).

+ Điều chỉnh giảm lộ giới đường N11 tại vị trí các khu L3 và L6 từ 22 m giảm xuống còn 17 m (5 m - 7 m - 5 m); diện tích lô đất L3 tăng lên thành 7.116 m² và L6 tăng lên thành 7.224 m²; bao gồm 133 lô diện tích khoảng 105 m²/lô, mật độ xây dựng tối đa là 80%, tầng cao là 03 tầng.

- Đất ở tái định cư:

Nhà liên kế bố trí tái định cư:

+ Điều chỉnh khu cây xanh (CX4, CX5) diện tích 4.707 m² và khu chung cư CC2 với diện tích 22.875 m² thành nhà Liên kế bố trí tái định cư gồm các lô L31, L32, L27 mật độ xây dựng tối đa là 80%, tầng cao là 02 - 04 tầng.

+ Điều chỉnh các khu đất gồm (L20, L24, L25, L26, L27, L30, L31) từ đất ở kinh doanh sang đất nhà ở liên kế bố trí tái định cư, mật độ xây dựng tối đa là 80%, tầng cao là 02 - 04 tầng.

Tổng diện tích đất nhà liên kế bố trí tái định cư sau điều chỉnh là 47.372 m² dành để bố trí tái định cư cho dự án và các dự án khác của địa phương (khoảng 464 lô).

b) Đất thương mại dịch vụ:

- Điều chỉnh khu nhà liên kế (L7) giảm khoảng 98 m², liên kế (L8) với diện tích 1.306 m² và khu cây xanh (CX3) với diện tích 1.275 m² thành khu thương mại (TM) với diện tích 2.200 m², mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao 03 tầng.

- Khu thương mại dịch vụ (TM) sau điều chỉnh tại Điểm a Khoản 1 Điều này diện tích còn 4.612 m², mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao 03 - 05 tầng.

c) Đất giáo dục:

Điều chỉnh khu chung cư (CC1) với diện tích 22.930 m² thành đất nhà trẻ mẫu giáo diện tích 4.502 m² và đất trường cấp I+II diện tích 18.428 m², mật độ xây dựng là 40%, tầng cao là 03 - 05 tầng.

d) Đất cây xanh:

Điều chỉnh khu liên kế (L11, L12 và L13) và một phần các tuyến đường N9, N10 thành khu cây xanh (CX4). Tổng diện tích cây xanh 36.895 m², mật độ xây dựng tối đa là 5%, tầng cao là 01 tầng.

đ) Điều chỉnh hướng tuyến đường ống nước đến Công ty TNHH Formosa đoạn đi qua dự án (điều chỉnh vào sát ranh của dự án).

3. Cơ cấu sử dụng đất của dự án sau điều chỉnh như sau

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Quy hoạch được duyệt theo quyết định số 3835/QĐUBND ngày 25/12/2012			Quy hoạch điều chỉnh		
			Diện tích (m ²)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
I	Đất thuộc dự án		499.554		100	496.363		100,00
1	Đất ở		263.207	2.893	52,69	236.883	2.235	47,72
1.1	Đất ở kinh doanh		210.171	2.024		189.511	1.771	38,18
	Nhà liên kế	L	191.326	1.939		170.666	1.686	
	Nhà liên kế có sân vườn	BL	8.006	45		8.006	45	
	Biệt thự	B	10.839	40		10.839	40	
1.2	Đất ở tái định cư		53.036	869		47.372	464	9,54
	Nhà liên kế	LT	7.225	59		47.372	464	
	Chung cư	CC	45.811	810		0	0	
2	Đất công trình dịch vụ đô thị		35.681		7,14	29.742		5,99
2.1	Đất thương mại dịch vụ	TM	35.681		7,14	6.812		1,37
2.2	Đất giáo dục	GD				22.930		4,62
3	Đất cây xanh	CX	9.271		1,86	36.895		7,43
4	Đất giao thông		191.395		38,31	192.843		38,86
II	Đất ngoài dự án		575			2.705,0		
1	Đất hành lang tuyến ống nước Formosa		575			2.705		
	Tổng cộng		500.129			499.068		

4. Điều chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông:

- Bổ sung thêm đường N1a, N6, N7, N11a, D7a với lộ giới 17m (5 m - 7 m - 5 m), ký hiệu mặt cắt 3 - 3.

- Bổ sung thêm đường N13 lộ giới 13 m (5 m - 6 m - 2 m) ký hiệu mặt cắt 5a - 5a.

b) Hệ thống thoát nước mưa: Điều chỉnh tuyến cống D.2000 tại đoạn cuối tuyến N1 và N8a thành D.1800.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, Công ty Cổ phần Đình Thuận có trách nhiệm phối hợp với Chủ tịch UBND huyện Long Thành, Chủ tịch UBND xã Long An công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội liên quan trên địa bàn, quản lý việc thực hiện xây dựng theo nội dung quy hoạch được điều chỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung không liên quan đến việc điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý theo Quyết định số 3835/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Thuận tại xã Long An, huyện Long Thành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Long Thành, Chủ tịch UBND xã Long An; Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Đình Thuận; Lãnh đạo các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Vĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12609/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 11 năm 2019

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Kế hoạch số 286-KH/TU ngày 16/7/2019
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Kết luận
số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng**

Thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập (XHHT); Kế hoạch số 286-KH/TU ngày 16/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tiếp tục nâng cao về nhận thức của hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa của học tập suốt đời, xây dựng XHHT. Từ đó, tích cực tham gia xây dựng XHHT bằng các nội dung và hình thức phù hợp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

b) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 11-CT/TW ngày 30/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X); Thông tri số 22-TT/TU ngày 21/6/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; Chỉ thị số 02/2008/CT-TTg ngày 08/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

c) Tăng cường sự quản lý của chính quyền, các cơ quan chức năng và sự tham gia của toàn xã hội về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đẩy mạnh công tác vận động, phát triển hội viên, huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào sự nghiệp khuyến học, khuyến tài phát triển mạnh, từng bước xây dựng được các mô hình học tập trong xã hội.

2. Yêu cầu

a) Tổ chức quán triệt, triển khai sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức và toàn thể nhân dân trong tỉnh thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Thông tri số 22-TT/TU ngày 21/6/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong điều kiện thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”; Kế hoạch số 3111/KH-UBND ngày 24/4/2013 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012 - 2020” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đến năm 2020 của Kế hoạch số 3111/KH-UBND ngày 24/4/2013 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012 - 2020” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với những nội dung cụ thể như sau:

a) Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục

- Trên 99% người trong độ tuổi từ 15 đến 60 và trên 99,5% người trong độ tuổi từ 15 đến 35 biết chữ.

Bảo đảm tỷ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ; ưu tiên xóa mù chữ ở những vùng khó khăn cho phụ nữ, trẻ em gái, người dân tộc thiểu số.

- Trên 90% số người mới biết chữ tiếp tục học tập và không mù chữ trở lại.

- 100% đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện củng cố vững chắc kết quả chống mù chữ, kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

b) Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ

- 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

- 40% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 và 20% có trình độ bậc 3.

- Hằng năm, tiếp tục tăng tỷ lệ công nhân lao động có kiến thức cơ bản về tin học, ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu công việc và giao lưu văn hóa.

c) Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để lao động có hiệu quả hơn, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn

- Đối với cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp huyện:

+ Tiếp tục duy trì 100% được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định.

+ 100% cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định.

+ 90% thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm.

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã:

+ Tiếp tục duy trì 100% được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc.

+ 95% có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định.

+ 85% thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm.

- Đối với lao động nông thôn:

70% tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại các trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng, trung tâm học tập cộng đồng.

- Đối với công nhân lao động:

+ 90% công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn trung học phổ thông hoặc tương đương; tiếp tục tăng tỷ lệ công nhân lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn; phấn đấu 95% công nhân qua đào tạo nghề.

d) Hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn

Hằng năm, tăng dần tỷ lệ học sinh, sinh viên và người lao động tham gia học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống để xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn. Trong đó, phấn đấu 50% học sinh, sinh viên được học kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục.

2. Tiếp tục quán triệt ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết của việc xây dựng XHHT, động viên khuyến khích toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên tự giác học tập, cập nhật kiến thức mới để nâng cao năng lực thực tế, bổ sung những kiến thức cần thiết phục vụ lao động sản xuất, công tác đem lại lợi ích thiết thực cho bản thân, gia đình, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, xã hội. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai về “Ban hành Bộ tiêu chí và trình tự đăng ký, xét duyệt, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”. Đảm bảo các mục tiêu cụ thể như sau:

- 100% cán bộ Mặt trận, các đoàn thể, cán bộ và hội viên Hội Khuyến học các cấp được quán triệt tập huấn nâng cao nhận thức về XHHT, học tập suốt đời và các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng, đơn vị.

- 70% gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình học tập”; 50% dòng họ được công nhận danh hiệu “Dòng họ học tập”; 60% cộng đồng đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập”; 90% cơ quan, đơn vị, trường học được công nhận danh hiệu “Đơn vị học tập”. Đối với vùng sâu, vùng xa các tỷ lệ này tương ứng là 60%, 40% và 50%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước

a) Đẩy mạnh việc quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT đến đông đảo cán bộ, công chức, viên chức và quần chúng nhân dân. Duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT là trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp, trước hết là người đứng đầu các đơn vị, tổ chức.

b) Phát huy và quy định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW, Thông tri số 22-TT/TU gắn với việc đánh giá kết quả công tác hàng năm. Các đơn vị thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW, Thông tri số 22-TT/TU và Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020” của Thủ tướng Chính phủ. Phấn đấu mỗi đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và gia đình của cán bộ, công chức, viên chức trở thành đơn vị học tập, công dân học tập và gia đình học tập, làm nòng cốt trong việc xây dựng các mô hình học tập trong nhân dân.

2. Đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền về việc xây dựng XHHT

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Đề án “Truyền thông về xây dựng XHHT” và Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ” trên địa bàn tỉnh. Gắn việc tuyên truyền, tổ chức các hoạt động học tập suốt đời thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ tại các địa phương.

b) Tổ chức Tuần lễ học tập suốt đời hằng năm bằng các hình thức và hoạt động phong phú với các chủ đề cụ thể để thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia học tập.

c) Các lực lượng xã hội, các cơ quan thông tin, Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai chủ động phối hợp Hội Khuyến học tỉnh, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang... Về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; khuyến khích toàn dân tham gia học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; kịp thời biểu dương gương sáng tự học, tự học thành tài để lập thân, lập nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và chất lượng, hiệu quả công việc, góp phần phát triển bền vững.

d) Hội Khuyến học các cấp tổ chức tuyên dương, khen thưởng các đơn vị và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; xây dựng các mô hình học tập và xét tặng các danh hiệu cá nhân, tập thể học tập.

3. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội, động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người tham gia học tập

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo động viên đoàn viên, hội viên tích cực tham gia xây dựng XHHT, gắn kết các chương trình, các cuộc vận động, các phong trào thi đua đã và đang được triển khai với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; đặc biệt gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

b) Liên Đoàn lao động tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh... tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời cho công nhân lao động trong các doanh nghiệp” trên địa bàn tỉnh; khuyến khích toàn dân tham gia học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chú ý vận động các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia nhiều hơn công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; tích cực, chủ động và sáng tạo trong tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT theo tinh thần xã hội hóa giáo dục. Đồng thời, đưa công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chương trình công tác, kế hoạch hàng năm của mỗi đơn vị, địa phương. Gắn kết các chương trình, các cuộc vận động, các phong trào thi đua đã và đang được triển khai với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

c) Hội Khuyến học các cấp tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp, thúc đẩy phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, xây dựng mô hình “Đơn vị học tập” trong các cơ quan, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp... và trong lực lượng vũ trang. Đồng thời, xây dựng kế hoạch tiếp tục củng cố và phát triển sâu rộng tổ chức Hội Khuyến học, đặc biệt quan tâm đến phát triển Hội ở cơ sở, làm nòng cốt triển khai thực hiện các nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT. Triển khai hiệu quả Kế hoạch Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư” trên địa bàn tỉnh. Phối hợp ngành giáo dục tham mưu cấp ủy, chính quyền các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác giáo dục và công tác khuyến học; phối hợp việc xây dựng XHHT, phong trào học tập suốt đời với chủ trương tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI).

4. Phát triển tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động và đa dạng các mô hình học tập

a) Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể trong hệ thống chính trị thực hiện nghiêm chế độ đào tạo, bồi dưỡng định kỳ theo chức danh, vị trí công việc đã quy định. Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân, người lao động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động, nhất là công nhân trong các khu công nghiệp.

b) Củng cố và phát triển các tổ chức hội khuyến học ở các cộng đồng dân cư; phát triển tổ chức khuyến học trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện và trong lực lượng vũ trang... tạo nên phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời sôi nổi và rộng khắp trong toàn tỉnh, gắn kết các tiêu chí công nhận các mô hình học tập, công dân học tập, gia đình học tập, đơn vị học tập với việc công nhận các mô hình văn hóa, với các danh hiệu thi đua.

c) Phát huy, sử dụng có hiệu quả các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường, các thiết chế văn hóa ở cơ sở theo hướng chú trọng các hoạt động học tập; củng cố các cơ sở tiếp nhận chương trình đào tạo từ xa, mở rộng các chuyên ngành đào tạo để đáp ứng nhu cầu học tập của các đối tượng người học, đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người dân. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng XHHT. Gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy với giáo dục thường xuyên; giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

d) Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá trong các cơ sở giáo dục thường xuyên, dạy nghề phù hợp với các quy định hiện hành.

đ) Chú trọng phát triển đào tạo từ xa theo hướng coi trọng chất lượng và hiệu quả phù hợp với xu thế phát triển giáo dục trên thế giới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học; củng cố và phát triển các điểm truy cập thông tin khoa học công nghệ tại các Trung tâm Văn hóa thể thao - học tập cộng đồng và Trung tâm học tập cộng đồng; hỗ trợ cho người học có thể học từ xa, tự học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học tập suốt đời.

5. Tiếp tục xóa mù chữ cho người lớn, thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

a) Nâng cao tỷ lệ và chất lượng xóa mù chữ cho người lớn gắn với công tác phổ cập nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là đối với người dân tộc thiểu số và phụ nữ. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức học tập, củng cố kết quả xóa mù chữ, chống tái mù để mọi người, mọi lứa tuổi đều có quyền học tập, học tập suốt đời phù hợp với điều kiện của mỗi cá nhân, với yêu cầu phát triển của địa phương, đất nước.

b) Nghiêm túc thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức danh phù hợp với đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị. Khuyến khích cán bộ, công chức cấp xã học ngoại ngữ; cán bộ công tác tại vùng có đông đồng bào dân tộc biết tiếng dân tộc. Nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, phải đổi mới chương trình, tài liệu giảng dạy, nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên.

c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân, người lao động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ, lao động năng động, sáng tạo trong điều kiện nền kinh tế số hiện nay. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ sở giáo dục nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề và kỹ năng sống cho người lao động.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng công dân học tập, đơn vị học tập

a) Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích, tôn vinh các tập thể, cá nhân đóng góp các nguồn lực cho giáo dục, cho công tác khuyến học, khuyến tài, xây

dựng XHHT. Các địa phương cần tiếp tục hỗ trợ kinh phí để củng cố, phát triển bền vững các Trung tâm Văn hóa thể thao - học tập cộng đồng và Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã; tạo thuận lợi cho các trung tâm tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT thật sự hiệu quả đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ chi ngân sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành về lĩnh vực khuyến học, khuyến tài xây dựng XHHT.

b) Từng bước tổ chức xây dựng các mô hình học tập theo các bộ tiêu chí được Chính phủ phê duyệt. Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Bổ sung, hoàn thiện chính sách ưu đãi đối với những tài năng trẻ trong học sinh, sinh viên để đào tạo, bồi dưỡng nhân tài phục vụ công cuộc phát triển đất nước.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại các cơ quan, đơn vị, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong hệ thống chính trị về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X); Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII)

a) Định kỳ tháng 6 và cuối năm, các cơ quan, đơn vị phải kiểm tra, đánh giá việc chỉ đạo công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT của địa phương, đơn vị.

b) Kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân làm tốt; kiểm điểm, phê bình, xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm, xem nhẹ công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT. Tăng cường sự phối hợp thường xuyên giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị trong việc thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm chung

Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

a) Triển khai thực hiện kế hoạch lồng ghép với các Kế hoạch, Đề án, Dự án, các chương trình mục tiêu liên quan đang triển khai thực hiện của từng đơn vị.

b) Tổ chức tuyên dương, khen thưởng các đơn vị và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; xây dựng các mô hình học tập và xét tặng các danh hiệu cá nhân, tập thể học tập.

c) Đưa nội dung công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT vào các chương trình, kế hoạch hoạt động, thi đua hằng năm và từng giai đoạn; xây dựng bộ phận làm đầu mối quản lý về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

d) Xây dựng kế hoạch, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia học tập, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công tác của đơn vị.

2. Trách nhiệm cụ thể

a) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ động phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.

- Chủ trì triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Xóa mù chữ giai đoạn 2012 - 2020” trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chủ trì, phối hợp Hội Khuyến học tỉnh và các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, UBND các huyện, thành phố tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch số 3111/KH-UBND ngày 24/4/2013 của UBND tỉnh.

- Phối hợp Hội Khuyến học tỉnh hướng dẫn các địa phương tổ chức Tuần lễ học tập suốt đời hằng năm bằng các hình thức và hoạt động phong phú với các chủ đề cụ thể để thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia học tập; rà soát lại việc thực hiện Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh; Thông tư số 44/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã.

- Phối hợp Hội Khuyến học tỉnh, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của các trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng và trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên chuẩn bị cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, tổ chức các lớp học linh hoạt đáp ứng nhu cầu học tập của người lao động.

- Tổ chức các hoạt động nghiên cứu, học tập kinh nghiệm các mô hình về khuyến học, khuyến tài và xây dựng XHHT.

- Phụ trách nhóm đối tượng xóa mù chữ và phổ cập giáo dục theo mục tiêu của Kế hoạch.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì triển khai và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Hỗ trợ cho người lao động nông thôn, những người hết tuổi lao động, người nội trợ, người khuyết tật có điều kiện thuận lợi để học tập suốt đời trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; mở rộng các hình thức dạy nghề trong các doanh nghiệp, công ty, dạy nghề gắn với sản xuất và dạy nghề ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức dạy nghề kết hợp với dạy văn hóa để nâng cao trình độ học vấn cho người lao động tại các cơ sở giáo dục, cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

- Phụ trách nhóm đối tượng những người hết tuổi lao động, người nội trợ, người khuyết tật theo mục tiêu của Kế hoạch; phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn phụ trách nhóm đối tượng lao động nông thôn theo mục tiêu của kế hoạch.

c) Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan triển khai và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ” trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 139/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về việc quy định về tổ chức nhân sự và chế độ hỗ trợ đối với Trung tâm Văn hóa thể thao - học tập cộng đồng cấp xã; nhà văn hóa - khu thể thao áp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d) Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan triển khai và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập”.

- Chỉ đạo các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí tổ chức tuyên truyền về công tác khuyến học, khuyến tài xây dựng XHHT.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ

- Biên soạn, số hóa tài liệu điện tử, tạo lập cơ sở dữ liệu về thông tin khoa học và công nghệ và tạo liên kết truy suất dữ liệu trên hệ thống 148 trang thông tin điện tử (website) xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đáp ứng nhu cầu cần gì học nấy của mọi đối tượng người dân và phục vụ cho nội dung khuyến học, khuyến tài xây dựng XHHT.

- Tổ chức cung cấp thông tin các sự kiện, tài liệu, hoạt động khoa học và công nghệ trong và ngoài nước nói chung, trên địa bàn tỉnh nói riêng thông qua các ấn phẩm khoa học và công nghệ như: Bản tin Kiến thức khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới; Bản tin Khoa học và Công nghệ; Bản tin Khoa học ứng dụng.

- Chỉ đạo khai thác có hiệu quả các điểm truy cập thông tin công nghệ tại các địa phương, đáp ứng nhu cầu cần gì học nấy của mọi đối tượng người dân.

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì biên soạn tài liệu về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn liên quan đến nội dung khuyến học, khuyến tài xây dựng XHHT.

- Giới thiệu báo cáo viên cho các trung tâm học tập cộng đồng tổ chức các lớp học về nông nghiệp, nông thôn.

f) Sở Nội vụ

Phụ trách nhóm đối tượng cán bộ, công chức, viên chức theo mục tiêu của Kế hoạch.

g) Sở Tài chính

- Bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, đầu tư đối với các hoạt động của Kế hoạch; phối hợp kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp UBND các huyện, thành phố rà soát việc chi ngân sách cho công tác khuyến học, khuyến tài xây dựng XHHT.

h) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu, thẩm định trình UBND tỉnh về khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

i) Báo Đồng Nai, Đài phát thanh - Truyền hình Đồng Nai

Phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan xây dựng chuyên mục tuyên truyền nội dung và kết quả khuyến học, khuyến tài xây dựng XHHT, qua đó vận động người dân học tập thường xuyên, suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, góp phần phát triển quê hương, đất nước.

k) Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành được học tập suốt đời.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị có liên quan Biên soạn tài liệu học tập cho mọi tầng lớp nhân dân về các lĩnh vực theo chức năng và nhiệm vụ của từng ngành.

l) UBND các huyện, thành phố

- Triển khai thực hiện Kế hoạch hàng năm và từng giai đoạn phù hợp với chiến lược kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương; hỗ trợ ngân sách cho các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

- Rà soát việc thực hiện chế độ chính sách cho công tác khuyến học, khuyến tài xây dựng XHHT theo quy định tại các phường, xã, thị trấn. Chỉ đạo bổ sung nhiệm vụ xây dựng XHHT của Tổ nhân dân theo tinh thần Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 05/7/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Xây dựng kế hoạch tổng kết việc thực hiện Quyết định số 46/2006/QĐ-UBND của UBND tỉnh và tổ chức đại hội tuyên dương các mô hình học tập tiêu biểu của địa phương vào năm 2020.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch của các sở, ban, ngành liên quan đến nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT trên địa bàn.

- Chỉ đạo cơ quan phát thanh truyền hình xây dựng chuyên mục tuyên truyền về xây dựng XHHT.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Đoàn thể của tỉnh và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia học tập; đưa nội dung khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

b) Liên đoàn Lao động tỉnh

- Phụ trách nhóm đối tượng công nhân lao động theo mục tiêu của Kế hoạch.
- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan triển khai và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời cho công nhân lao động trong các doanh nghiệp” trên địa bàn tỉnh.
- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan chỉ đạo, động viên, theo dõi việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ người lao động trong các doanh nghiệp; phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các lớp học để nâng cao trình độ học vấn cho người lao động theo mục tiêu của Kế hoạch.
- Quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các tổ chức và cá nhân, cơ chế tham gia, phối hợp của các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

c) Tỉnh Đoàn Đồng Nai

- Tổ chức lồng ghép các hoạt động truyền truyền về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT cho các đoàn viên, thanh niên.
- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các phong trào cho thanh niên; vận động gây quỹ hỗ trợ thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tham gia học tập.

d) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

- Tổ chức lồng ghép các hoạt động truyền truyền về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT trong các phong trào, cuộc vận động của phụ nữ.
- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tuyên truyền, vận động phụ nữ, trẻ em gái tham gia học tập để nâng cao trình độ học vấn.
- Vận động gây quỹ, cấp học bổng cho đối tượng người học có hoàn cảnh khó khăn tham gia học tập.

đ) Hội Khuyến học tỉnh

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan triển khai và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư” trên địa bàn tỉnh.
- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của các trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng và trung tâm học tập cộng đồng.
- Tổ chức tuyên truyền về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT thông qua phong trào gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học, phát động phong trào xây dựng đơn vị học tập, cộng đồng học tập. Phối hợp các tổ chức, các lực lượng xã hội vận động người dân tích cực tham gia công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.
- Chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận các mô hình học tập theo quy định.
- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các địa phương tổ chức Tuần lễ học tập suốt đời hằng năm bằng các hình thức và hoạt động phong phú với các chủ đề cụ thể để thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia học tập.

- Phối hợp các cơ quan cùng cơ tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của hội Khuyến học các cấp. Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tham mưu tổng kết thực hiện Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh và đại hội biểu dương mô hình học tập tiêu biểu cấp tỉnh.

e. Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu Giáo chức tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Người Cao tuổi tỉnh phối hợp các đơn vị liên quan triển khai nhiệm vụ và giải pháp thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Hội.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 286-KH/TU ngày 16/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; UBND tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, địa phương căn cứ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện theo quy định; định kỳ 06 tháng và năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo) trước ngày 05 của kỳ báo cáo. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện của các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, định kỳ 06 tháng và năm tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện trước ngày 15 của kỳ báo cáo./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hòa Hiệp

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐỒNG NAI XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình,

TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513.941869 - 02513.847291

Email: congbao@dongnai.gov.vn

Website: <http://congbao.dongnai.gov.vn>

In tại Công ty TNHH In L.B.T